TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-8-2024.
Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Kiệt

2. Ông Trần Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2024/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 10/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-DS ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Ông Tạ Hoàng G, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. **Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Tạ Hoàng G trình bày:

Về hôn nhân: Ông Tạ Hoàng G và bà Nguyễn Thị B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ngày 24/6/2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên vợ

chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông G yêu cầu được ly hôn với bà B.

Về con chung: Ông G và bà B có 01 người con tên Tạ Tường Vy, sinh ngày 10/4/2010. Hiện cháu Vy đang sống với bà B, khi ly hôn ông G đồng ý giao con chung cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng, ông G không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Đồng thời được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án bà B cũng không có văn bản trình bày ý kiến hoặc yêu cầu phản tố nên không có ý kiến trình bày.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Căn cước công dân; Bản sao giấy khai sinh tên Tạ Tường Vy; Giấy chứng nhận kết hôn của ông G và bà B; Đơn xác nhận nơi cư trú của bị đơn.

Bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến ngày xét xử Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, triệu tập hợp lệ để xét xử đến lần thứ hai nhưng bà Nguyễn Thị B vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Tạ Hoàng G và bà Nguyễn Thị B là hợp pháp. Mặc dù bà B vắng mặt tại phiên tòa, nhưng qua phần trình bày ý kiến của ông G, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên ông G rút đơn khởi kiện để vợ chồng tiếp tục chung sống nuôi con chung nhưng ông G kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, ông G và bà B đã ly thân từ năm 2021 đến nay nhưng vợ chồng cũng không thể hàn gắn.

Qua ý kiến trình bày của ông G, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân nữa ông G và bà B đã rạn nứt, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không còn quan tâm yêu thương, tìm cách giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống, vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất

cho ông G được ly hôn với bà B.

[3]. Về con chung: Ông G và bà B có 01 người con chung tên Tạ Tường Vy, sinh ngày 10/4/2010. Do bà B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến về việc nuôi con. Nên việc giao con chung cho ông G hay bà B nuôi dưỡng sẽ do Tòa án quyết định căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt cháu Vy. Hiện tại cháu Vy đã trên 7 tuổi, theo quy định tại Điều 81 Luật Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án phải xem xét nguyện vọng của cháu Vy về việc cháu Vy muốn sống chung với cha hoặc mẹ khi cha mẹ ly hôn. Tại bản tự khai ngày 10/7/2024 cháu Vy có nguyện vọng được sống với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ông G và bà B ly thân đến nay thì bà B là người trực tiếp nuôi con, theo ông G thì hiện tại cháu Vy vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường như bao trẻ em khác, ông G cũng đồng ý để bà B tiếp tục nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Tạ Tường Vy cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con chung khi ly hôn nhưng ông G không cấp dưỡng nuôi con, bà B cũng không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

[4]. Về chia tài sản chung: Ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông G đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000610 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Ông G đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Về hôn nhân: Ông Tạ Hoàng G được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Tạ Tường Vy, sinh ngày 10/4/2010

cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà B.

3. Về chia tài sản chung: Ông G trình bày vợ chồng không có tài sản và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông G phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông G đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000610 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Ông G đã nộp xong.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng;*
- *Cơ quan Thi hành án Dân sự H. U Minh Thượng;*
- *Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh